

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày: 13 – 7 - 2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Đình Bông;

2/ Ông Hồ Quang Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Tổng Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh L (Văn bản ủy Q ngày 16/9/2020)– Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Hồ Ngọc D (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021) – có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 06, đường Ngô Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

-*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị S – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn Ol, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày: Ngày 20/4/2019, bà Phạm Thị N cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Khi vay hai bên có lập giấy vay, không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Về lãi suất hai bên thỏa thuận 1,65%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền chỉ thỏa thuận bằng miệng. Đến tháng 6/2019 bà N có đến nhắc nợ bà S để trả nợ nhưng bà S chỉ khất nợ không thanh toán cho bà N.

Vì vậy, bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị S thanh toán cho bà N tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Bà N không yêu cầu tính lãi. Đây là tài sản riêng của bà Phạm Thị N, không liên quan gì đến chồng bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà S thừa nhận giấy vay tiền ngày 20/4/2019 bà S viết và ký dưới mục người vay nhưng thực tế không phải vay tiền mặt, đây là tiền lãi phát sinh từ số tiền bà S vay bà N 02 lần: Lần 01 vay 07/7/2018 số tiền vay 60.000.000 đồng; lần 02 vay ngày 22/7/2018 số tiền vay 50.000.000 đồng, tổng cộng là 110.000.000 đồng. Bà N yêu cầu bà S viết 30.000.000 đồng là tiền gốc khi nào có tiền bà S sẽ trả nhưng thực tế là tiền nợ lãi của số tiền 110.000.000 đồng. Do đó, bà S không đồng ý trả 30.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N vì bà S cho rằng đối với khoản tiền 110.000.000đ này đã được cân trừ vào số tiền chuyển nhượng đất giữa bà S và bà N. Bà N còn tính lãi đối với số tiền 110.000.000đ là không đúng. Số tiền 110.000.000 đồng bà N đã khởi kiện bà S và bà S đã nhận nợ bằng một vụ án khác, không nằm trong vụ án này.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Hồ Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Phạm Thị N 30.000.000đ.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, thư ký phiên tòa, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Phạm Thị N số tiền 30.000.000đ và phải chịu án phí DSST.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ gồm: 01 giấy vay tiền lập vào các ngày 20/4/2019 (Bản gốc); 01 sổ hộ khẩu của nguyên đơn, 01 chứng minh nhân dân (đều sao y chứng thực); 01 thông báo đề nghị thực hiện trả nợ ngày 21/9/2020 (bản gốc); 01 Biên lai chuyển phát nhanh ngày 21/9/2021 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp. 01 giấy cho vay tiền lập ngày 22/7/2018, 01 giấy cho vay tiền lập ngày 07/7/2018 (đều là bản gốc) do bị đơn cung cấp. Các đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị S phải trả số tiền vay theo giấy vay lập ngày 20/4/2019 nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị S trú tại Buôn Ol, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy vay ngày 20/4/2019 không xác định thời hạn trả nợ. Ngày 21/9/2020 thông qua Luật sư Nguyễn Khánh L, bà Phạm Thị N có thông báo đề nghị thực hiện trả nợ gửi cho bà Nguyễn Thị S qua đường bưu điện, bà S thừa nhận bà đã nhận được thông báo trả nợ của bà N vào cuối năm 2020 (tức là ngày 31/12/2020). Ngày 04/3/2021 bà Phạm Thị N làm đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy rằng:

[2.1] Bà Phạm Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị S thanh toán 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) xuất phát từ hợp đồng vay tài sản lập ngày 20/4/2019. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ là 01 giấy vay tiền ngày 20/4/2019 có chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị S. Bị đơn bà Nguyễn Thị S thừa nhận chữ ký và chữ viết trong mục người vay là do bà ký và viết ra. Bà S không thừa nhận số tiền 30.000.000đ là tiền vay gốc mà cho rằng đây là khoản tiền lãi phát sinh từ khoản

vay 110.000.000đ nhưng bà S không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của mình.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 BLTTDS thì:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...; 2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó...; 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận phần trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị S. Theo Điều 463 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, việc vay tiền giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Đây là các khoản vay không kỳ hạn, bên cho vay đã có thông báo cho bên vay về việc trả nợ. Bên vay đã nhận được thông báo nhưng quá thời hạn này, bên vay vẫn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Phạm Thị N 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

[2.2] Đối với lãi suất: Trong giấy vay lập ngày 20/4/2019 có ghi “Lãi suất theo thỏa thuận”, tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0004070 ngày 05/3/2021.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, khoản 2 Điều 469, Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Phạm Thị N 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị S phải nộp 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0004070 ngày 05/3/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hải Âu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

